

**AGON**  
BY AOC

ONLY FOR THE TRUE  
VALIANT

POWERED BY  
**Q27G42ZE**

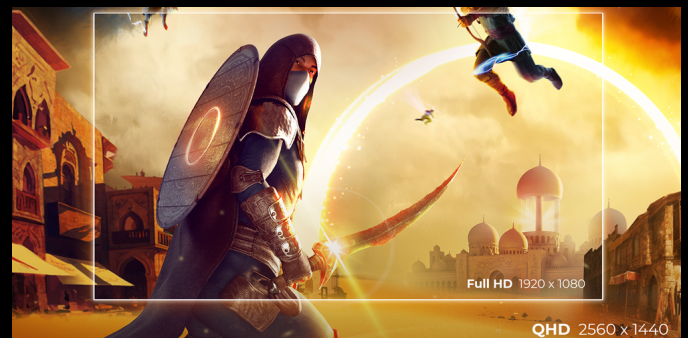


AOC Q27G42ZE là màn hình gaming 27 inch sử dụng tấm nền Fast IPS hiện đại, hỗ trợ công nghệ Adaptive Sync giúp loại bỏ hiện tượng xé hình, mang lại tốc độ phản hồi ấn tượng chỉ 0.3ms MPRT cùng tần số quét siêu nhanh 260Hz. Công nghệ HDR10 kết hợp Game Color nâng cao chất lượng hiển thị, mang đến trải nghiệm hình ảnh sống động, giúp bạn bứt phá mọi giới hạn khi chơi game.

- **Độ phân giải QHD**
- **Tần số quét 260Hz**
- **Trải nghiệm hiệu suất chơi game vô song và thống trị cuộc đấu với sức mạnh của công nghệ Fast IPS**
- **G-Sync Compatible**
- **1ms Thời gian đáp ứng GTG - Grey-to-Grey**
- **Trải nghiệm trò chơi tốt nhất với HDR10**

## ĐỘ PHÂN GIẢI QHD

Với độ phân giải 2560 x 1440, Quad HD (QHD) mang đến chất lượng hình ảnh vượt trội và hình ảnh sắc nét thể hiện những chi tiết nhỏ nhất. Tỷ lệ khung hình 16:9 màn ảnh rộng cung cấp nhiều không gian để trải rộng và làm việc, đồng thời cho phép bạn thưởng thức các trò chơi hoặc phim ở kích thước gốc.



## TẦN SỐ QUÉT 260HZ

Với tốc độ khung hình lên tới 260Hz, bạn sẽ nắm bắt mọi khoảnh khắc quan trọng với chuyển động cực mượt và không bị nhòe hình.

# TRẢI NGHIỆM HIỆU SUẤT CHƠI GAME VÔ SONG VÀ THỐNG TRỊ CUỘC ĐẤU VỚI SỨC MẠNH CỦA CÔNG NGHỆ FAST IPS

Tốc độ nhanh gấp 4 lần so với tấm nền IPS thông thường, đảm bảo thời gian phản hồi 1ms (GTG) chất lượng hình ảnh hấp dẫn, với màu sắc rực rỡ và độ rõ nét đặc biệt, nâng cao hiệu suất trò chơi của bạn lên một tầm cao mới!



## G-SYNC COMPATIBLE

Chứng nhận "G-Sync Compatible" của NVIDIA công nhận màn hình có thể mang lại tốc độ làm mới biến số chất lượng cao (VRR) phù hợp với tiêu chuẩn đồng bộ hóa thích ứng VESA DisplayPort và hơn thế nữa. Thường thức không bị xé hình, chơi game không bị lag - giờ đây linh hoạt hơn và tiềm năng tùy biến hơn bao giờ hết do phạm vi rộng hơn của tùy chọn màn hình có sẵn.

## 1MS THỜI GIAN ĐÁP ỨNG GTG - GREY-TO-GREY

GtG là viết tắt của Grey-To-Grey và biểu thị khoảng thời gian cần thiết để một pixel thay đổi giữa cấp độ xám này sang cấp độ xám tiếp theo. Trong trò chơi, mỗi mili giây đều có giá trị và có thể là yếu tố phân biệt giữa bắn trúng hay bắn trượt. Thời gian phản hồi nhanh cũng giúp loại bỏ hiện tượng bóng mờ và chuyển động mờ.



## TRẢI NGHIỆM TRÒ CHƠI TỐT NHẤT VỚI HDR10

HDR10 đã có mặt để cải thiện chất lượng hình ảnh hơn nữa, cải thiện đồng bộ hóa GPU hoặc console của bạn với màn hình. Điều này tạo ra trải nghiệm chơi game sống động, thú vị và mượt mà hơn: Bạn sẽ cảm thấy như đang bước vào trò chơi, từng khung hình.



## TỔNG QUAN

|                       |               |
|-----------------------|---------------|
| Tên mẫu               | Q27G42ZE      |
| Thương hiệu           | AOC           |
| Kênh                  | Gaming        |
| Dòng sản phẩm         | AOC Gaming    |
| Dòng thiết kế         | G4            |
| Ngày ra mắt (dự kiến) | 01/05/2025    |
| EAN                   | 4038986182980 |

## HIỂN THỊ THÔNG TIN

|                                  |                          |
|----------------------------------|--------------------------|
| Kích thước màn hình (inch)       | 27.0                     |
| Kích thước màn hình (cm)         | 68.6                     |
| Phẳng/Cong                       | Flat                     |
| Xử lý bảng điều khiển            | Antiglare (AG)           |
| Mật độ điểm ảnh (mm)             | 0.2331                   |
| Điểm ảnh trên mỗi inch           | 108.79                   |
| Độ phân giải của bảng điều khiển | 2560x1440                |
| Tỷ lệ khung hình                 | 16:9                     |
| Loại bảng điều khiển             | Fast IPS                 |
| Loại đèn nền                     | WLED                     |
| Max Tốc độ làm mới               | 260Hz (OC, 240Hz Native) |
| Thời gian phản hồi GtG           | 1 ms                     |
| Thời gian phản hồi MPRT          | 0.3 ms                   |
| Tỷ lệ tương phản tĩnh            | 1000:1                   |
| Tỷ lệ tương phản động            | 80M:1                    |
| Góc nhìn (CR10)                  | 178/178                  |
| Màu sắc màn hình hiển thị        | 16.7 Million             |
| Brightness in nits               | 300 cd/m²                |
| Vùng mở cục bộ                   | Global Dimming           |

## TÍNH NĂNG VIDEO

|                                       |                                               |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Công nghệ đồng bộ (VRR)               | Adaptive Sync                                 |
| NVIDIA G-SYNC™                        | NVIDIA G-SYNC Compatible                      |
| Tần số tín hiệu số dọc                | HDMI2.0:<br>48~144Hz / DP1.4:<br>48~260Hz     |
| Tần số tín hiệu số ngang              | HDMI2.0:<br>30k~230kHz / DP1.4:<br>30k~400kHz |
| HDR (Dải tương phản động rộng)        | HDR 10                                        |
| Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh       | Low Blue Mode                                 |
| Không gian màu (sRGB) CIE 1976 %      | 123.6                                         |
| Không gian màu (DCI-P3) CIE 1976 %    | 95.2                                          |
| Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1976 % | 91.4                                          |
| Flicker-Free                          | Flicker Free                                  |

## THÔNG TIN TỬ

|                             |            |
|-----------------------------|------------|
| Màu viền (mặt trước)        | Black      |
| Màu tủ (mặt sau)            | Black, Red |
| Lớp hoàn thiện tủ (mặt sau) | Matt       |
| Chân để có thể tháo rời     | Có         |
| Khóa Kensington             | Có         |
| Giá treo tường Vesa         | 100x100    |

## CÔNG THÁI HỌC

Nghiêng  $-3^{\circ} \pm 2^{\circ} \sim 21^{\circ} \pm 2^{\circ}$

| TÍNH NĂNG CHƠI TRÒ CHƠI          |                                                                          | CÔNG SUẤT TIÊU THỤ                                       |                       | KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM                                  |                       |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------|
| Phong cách chơi trò chơi         | Shooters, MMORPG, Action, eSports, RTS, FPS (eSports), Beat'm up, Racing | Nguồn cấp điện                                           | Internal              | Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm         | 613.9 x 449.7 x 197.6 |
| Chế độ chơi                      | RTS, FPS, Racing, Gamer 1, Gamer 2, Off                                  | Công suất tiêu thụ khi bật (thông thường) tính bằng watt | 35.0                  | Kích thước sản phẩm không bao gồm đế (RxCxS) mm      | 613.9 x 366.3 x 52.7  |
| Sự tiện lợi khi chơi trò chơi    | G-menu                                                                   | Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt           | 0.3                   | Kích thước đóng gói (RxCxS) mm                       | 690 x 480 x 124       |
| PS5 Compatibility                | 2560x1440@120Hz                                                          | Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt                | 0.3                   | Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)    | 6.1                   |
| Xbox X Compatibility             | 2560x1440@120Hz                                                          | Lớp năng lượng                                           | F                     | Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg) | 3.84                  |
| Xbox S Compatibility             | 2560x1440@120Hz                                                          | TUÂN THỦ QUY ĐỊNH                                        |                       | Sản phẩm không kèm chân đế (kg)                      | 3.45                  |
| SỰ BỀN VỮNG                      |                                                                          | CB                                                       | Có                    | TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ                                |                       |
| Chứng nhận TCO                   | No                                                                       | CE                                                       | Có                    | Cáp HDMI                                             | 1.8                   |
| WEEE                             | Có                                                                       | TUV-Bauart-Mark                                          | Có                    | Cáp nối cổng màn hình hiển thị                       | 1.8                   |
| Tuân thủ quy định REACH          | Có                                                                       | ISO 9241-307                                             | Có                    | Cáp điện                                             | Có                    |
| Tuân thủ chỉ thị RoHS            | Có                                                                       | EAC                                                      | Có                    | THÔNG TIN KHÁC                                       |                       |
| Vỏ không chứa PVC/BFR            | Có                                                                       | FCC                                                      | Có                    | Thời hạn bảo hành                                    | 3 years               |
| Không chứa thủy ngân             | Có                                                                       | UKCA                                                     | Có                    |                                                      |                       |
| Vật liệu đóng gói có thể tái chế | 100 % recycable                                                          | THÔNG TIN KẾT NỐI                                        |                       |                                                      |                       |
|                                  |                                                                          | HDMI                                                     | HDMI 2.0 x 1          |                                                      |                       |
|                                  |                                                                          | HDCP kỹ thuật số (phiên bản HDMI)                        | HDCP 1.4/2.2          |                                                      |                       |
|                                  |                                                                          | Cổng màn hình hiển thị                                   | DisplayPort 1.4 x 1   |                                                      |                       |
|                                  |                                                                          | Đầu ra âm thanh                                          | Headphone out (3.5mm) |                                                      |                       |
|                                  |                                                                          | DP HDCP version                                          | HDCP 1.4/2.2          |                                                      |                       |

⚡ **TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ**

The monitor may appear different from the feature image. The products, accessories, cable(s) supplied with the product may vary in type, quantity, and/or specifications in line with country- or region-specific requirements. Specifications are subject to change without notice. The above functionality may vary depending on the user's actual usage conditions. This product is sold with a limited manufacturer's warranty. Please refer to the warranty terms for coverage details. All Rights reserved.